

Số: 1193/QĐ-ĐHKG

Kiên Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-ĐHKG ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành quy định khung chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-ĐHKG ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng;

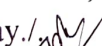
Xét Đề nghị của các Khoa chuyên môn về chương trình đào tạo liên thông;

Xét Đề nghị của Lãnh đạo Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là danh mục gồm các Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học (Danh sách chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Chương trình đào tạo được ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 tại trường Đại học Kiên Giang.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch tổng hợp, các Khoa, các đơn vị có liên quan và người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT (3). 



DANH MỤC

**Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng
lên trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang**

(Kèm theo Quyết định số 195/QĐ-ĐHKG ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kiên Giang)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo
1	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản (Liên thông từ trung cấp lên đại học)
2			Nuôi trồng thủy sản (Liên thông từ cao đẳng lên đại học)
3	7380101	Luật	Luật (Liên thông từ trung cấp lên đại học)
4			Luật (Liên thông từ cao đẳng lên đại học)
5	7340301	Kế toán	Kế toán (Liên thông từ trung cấp lên đại học)
6			Kế toán (Liên thông từ cao đẳng lên đại học)
7	7620110	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng (Liên thông từ trung cấp lên đại học)
8			Khoa học cây trồng (Liên thông từ cao đẳng lên đại học)

(Danh sách gồm 08 Chương trình đào tạo)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành kèm theo Quyết định số 1443/QĐ/ĐHKG ngày 28 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **Kế toán (Accounting)**
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Hình thức đào tạo: **Liên thông Cao đẳng lên trình độ Đại học**
Mã ngành: **7340301**

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên bậc cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược; biết tổ chức và điều hành công tác Kế toán tại hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các tổ chức tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng, và tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Hiểu và vận dụng các kiến thức kế toán chuyên ngành (Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán, Kiểm toán,...), đủ khả năng thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp, và các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO6: Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào công tác thực tế (thực hiện các phân hành kế toán tài chính, tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, đọc báo cáo tài chính, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, ...) tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

1.2.3 Về thái độ:

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khoa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

- PLO1: Có kiến thức về quản trị, tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, nguyên lý kinh tế để hỗ trợ cho công tác chuyên môn kế toán, và làm nền tảng nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành kế toán. Nắm kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành kế toán;

- PLO3: Hiểu và có thể vận dụng những kiến thức công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và thực hiện yêu cầu công việc kế toán;

- PLO4: Nắm vững các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, phương pháp kế toán và chế độ kế toán, chính sách kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Nghiên cứu các kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán, kiểm toán tài chính của các nước trên thế giới để vận dụng cụ thể tại Việt Nam;

- PLO5: Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên ngành về kế toán nhằm vận dụng, thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán, có khả năng nghiên cứu và đề xuất các ý kiến tư vấn giải quyết những vấn đề tồn tại.

2.2 Kỹ năng

- PLO6: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

- PLO7: Kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ kế toán cơ bản, đánh giá đúng các nghiệp vụ kinh tế, tài chính tiến hành ghi sổ; kỹ năng viết và trình bày báo cáo công tác nghiệp vụ, lập báo cáo kế toán, tài chính chuẩn xác, khách quan;

- PLO8: Có kỹ năng thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác;

- PLO9: Có kỹ năng sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính và công tác văn phòng. Có kỹ năng phân biện, sử dụng giải pháp thay thế đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh tế và công nghệ thông tin;

- PLO10: Có kỹ năng phân tích báo cáo kế toán quản trị và kế toán tài chính để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán. Từ đó, đánh giá chất lượng công việc kế toán đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của kế toán viên;

- PLO11: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp xử lý tới đồng nghiệp, phổ biến kiến thức kỹ năng về xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

- PLO13: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;

- PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

- PLO15: Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.



[Handwritten signature]

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	X											x			
PO2		x		x		x	x								
PO3	X	x	x	x	x	x		x		x	x		x	x	x
PO4	X					x			x	x		x	x	x	
PO5				x	x	x	x	x			x	x	x		
PO6		x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x
PO7	X		x				x		x			x	x		
PO8	X	x	x	x				x		x		x	x	x	x

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

[illegible]

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	KHỐI KIẾN THỨC	LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG THEO CT CỦA BỘ GD - ĐT		LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG THEO CT CỦA BỘ LĐTĐ - XH	
		TC	Tỷ lệ %	TC	Tỷ lệ %
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	0	0	7	12
1	Kiến thức cơ bản về chính trị	Miễn		7	
2	Kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội	Miễn		Miễn	
3	Kiến thức cơ bản về Pháp luật	Miễn		Miễn	
4	Kiến thức về công nghệ thông tin	Miễn		Miễn	
5	Các học phần Khoa học tự nhiên	Miễn		Miễn	
6	Các học phần Ngoại ngữ	Miễn		Miễn	
7	Các học phần Thể chất	Miễn		1	
8	Các học phần Quốc phòng – An ninh	Miễn		5	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	50	100	50	88
1	Kiến thức cơ sở của ngành	15	30	15	30
2	Kiến thức chuyên ngành	35	70	35	70
Tổng cộng		50	100	57	100

V.1
ÔNG
HỌC
- GIANG
★

mu

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs
Các học phần đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học dành cho các học viên học Trung cấp các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
				Kiến thức						Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Kiến thức giáo dục đại cương	0	0%															
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	50	100%															
1	Kiến thức cơ sở ngành	15	30%		X	X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2	Kiến thức chuyên ngành	35	70%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng		50	100%															

Bảng 5. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Các học phần đào tạo tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học dành cho các học viện học Trung cấp các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
				Kiến thức						Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				13
I	Kiến thức giáo dục đại cương	7	12%																
1	Kiến thức cơ bản về chính trị	7		x	x														
2	Các học phần Thể chất	1		x	x		x												
3	Các học phần Quốc phòng – An ninh	5		x	x		x												
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	50	88%																
1	Kiến thức cơ sở ngành	15	30%		x	x	x												
2	Kiến thức chuyên ngành	35	70%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng cộng		50	100%																

[Handwritten signature]



IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

Danh sách các học phần đào tạo liên thông từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học cho các học viên học Cao đẳng các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			0				
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			50				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			15				
* Kiến thức bắt buộc			12				
1	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
2	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
3	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
4	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn			3				
5	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
6	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
7	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
8	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
9	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45
2.2 Kiến thức chuyên ngành			35				
* Kiến thức bắt buộc			23				
10	B27001	Kế toán tài chính 1	3	30		15	45
11	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30		15	45
12	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30		15	45
13	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30		15	45
14	B27006	Kế toán quản trị	3	30		15	45
15	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60		90
16	B27150	Thực tập ngành nghề	4		180		180
* Kiến thức tự chọn			2				
17	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15		15	30
18	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15		15	30
* Kiến thức tốt nghiệp			10				
19	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10		450		450
Hoặc các học phần thay thế							
20	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60
21	B28004	Kế toán quốc tế	2	25		5	30
22	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30		15	45
23	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30

Danh sách các học phần đào tạo liên thông từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học cho các học viên học Cao đẳng các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			7				
1.1 Kiến thức về Chính trị			7				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37		8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21		9	30
3	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21		9	30
1.2 Kiến thức về Thể chất			1				
4	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1		30		30
1.3 Kiến thức về Quốc phòng - An ninh			5				
5	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			45
6	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30			30
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			50				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			15				
* Kiến thức bắt buộc			12				
7	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
8	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
9	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
10	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn			3				
11	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
12	B26015	Nghệp vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
13	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
14	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
15	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45
2.2 Kiến thức chuyên ngành			35				
* Kiến thức bắt buộc			23				
16	B27001	Kế toán tài chính 1	3	30		15	45
17	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30		15	45
18	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30		15	45
19	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30		15	45
20	B27006	Kế toán quản trị	3	30		15	45

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI

học

21	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60		90
22	B27150	Thực tập ngành nghề	4		180		180
* Kiến thức tự chọn			2				
23	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15		15	30
24	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15		15	30
* Kiến thức tốt nghiệp			10				
25	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10		450		450
<i>Hoặc các học phần thay thế</i>							
26	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60
27	B28004	Kế toán quốc tế	2	25		5	30
28	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30		15	45
29	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30

V. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ một trong các điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Kế toán, cụ thể:

- Tốt nghiệp cao đẳng Ngành Kế toán tại các trường do Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý.

- Tốt nghiệp cao đẳng ngành gần Ngành Kế toán tại các trường do Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý (theo danh mục quy định của Trường). Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng thuộc ngành gần ngành Kế toán phải học bổ sung 10 tín chỉ trong học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, bao gồm:

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC
1	B26001	Kinh tế vi mô	3
2	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
3	B26004	Nguyên lý kế toán	3
4	A25045	Toán kinh tế	2
Tổng cộng			10

VI. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

6.1 Kế hoạch giảng dạy dự kiến đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông Đại học theo các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý:

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiên quyết
1	Học phần bắt buộc		12	
12TC	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	
	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
	B27001	Kế toán tài chính 1	3	
2	Học phần bắt buộc		12	
15TC	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	

	B27002	Kế toán tài chính 2	3	
	B27003	Kế toán tài chính 3	3	
	B27006	Kế toán quản trị	3	
	Học phần tự chọn		3	
	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	
	B26068	Thanh toán quốc tế	3	
	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	
	B26062	Kinh tế lượng	3	
3	Học phần bắt buộc		11	
13TC	B27004	Kế toán tài chính 4	3	
	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	
	B27150	Thực tập ngành nghề	4	
	Học phần tự chọn		2	
	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	
	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	
4	Học phần bắt buộc		10	
10TC	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	
	Hoặc các học phần thay thế			
	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	
	B28004	Kế toán quốc tế	2	
	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	
	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	

6.2 Kế hoạch giảng dạy dự kiến đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông Đại học theo các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý:

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiên quyết
1	Học phần bắt buộc		17	
17TC (Không bao gồm GDTC)	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	
	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
	B27001	Kế toán tài chính 1	3	
	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	
	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	
2	Học phần bắt buộc		14	
17TC	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	
	B27002	Kế toán tài chính 2	3	
	B27003	Kế toán tài chính 3	3	
	B27006	Kế toán quản trị	3	
	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	Học phần tự chọn		3	
	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	

	B26068	Thanh toán quốc tế	3	
	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	
	B26062	Kinh tế lượng	3	
3	Học phần bắt buộc		11	
13TC (Không bao gồm GDQP)	B27004	Kế toán tài chính 4	3	
	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	
	B27150	Thực tập ngành nghề	4	
	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	
	Học phần tự chọn		2	
	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	
	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	
4	Học phần bắt buộc		10	
10TC	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	
	Hoặc các học phần thay thế			
	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	
	B28004	Kế toán quốc tế	2	
	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	
	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-DHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang. Chương trình đào tạo này được áp dụng kể từ năm học 2023-2024.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ/ĐHKG ngày 23 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Kế toán (Accounting)**

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Hình thức đào tạo: **Liên thông từ Trung cấp lên trình độ Đại học**

Mã ngành: **7340301**

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên bậc cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược; biết tổ chức và điều hành công tác Kế toán tại hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các tổ chức tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng, và tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Hiểu và vận dụng các kiến thức kế toán chuyên ngành (Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán, Kiểm toán,...), đủ khả năng thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp, và các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO6: Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào công tác thực tế (thực hiện các phân hành kế toán tài chính, tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, đọc báo cáo tài chính, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, ...) tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

1.2.3 Về thái độ:

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khoa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

- PLO1: Có kiến thức về quản trị, tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, nguyên lý kinh tế để hỗ trợ cho công tác chuyên môn kế toán, và làm nền tảng nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành kế toán. Nắm kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành kế toán;

- PLO3: Hiểu và có thể vận dụng những kiến thức công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và thực hiện yêu cầu công việc kế toán;

- PLO4: Nắm vững các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, phương pháp kế toán và chế độ kế toán, chính sách kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Nghiên cứu các kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán, kiểm toán tài chính của các nước trên thế giới để vận dụng cụ thể tại Việt Nam;

- PLO5: Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên ngành về kế toán nhằm vận dụng, thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán, có khả năng nghiên cứu và đề xuất các ý kiến tư vấn giải quyết những vấn đề tồn tại.

Handwritten signature

2.2 Kỹ năng

- PLO6: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

- PLO7: Kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ kế toán cơ bản, đánh giá đúng các nghiệp vụ kinh tế, tài chính tiến hành ghi sổ; kỹ năng viết và trình bày báo cáo công tác nghiệp vụ, lập báo cáo kế toán, tài chính chuẩn xác, khách quan;

- PLO8: Có kỹ năng thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác;

- PLO9: Có kỹ năng sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính và công tác văn phòng. Có kỹ năng phân biện, sử dụng giải pháp thay thế đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh tế và công nghệ thông tin;

- PLO10: Có kỹ năng phân tích báo cáo kế toán quản trị và kế toán tài chính để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán. Từ đó, đánh giá chất lượng công việc kế toán đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của kế toán viên;

- PLO11: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp xử lý tới đồng nghiệp, phổ biến kiến thức kỹ năng về xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

- PLO13: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;

- PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

- PLO15: Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

UUC
TR
ĐA
KIẾ

Handwritten signature

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x											x			
PO2		x		x		x	x								
PO3	x	x	x	x	x	x		x		x	x		x	x	x
PO4	x					x			x	x		x	x	x	
PO5				x	x	x	x	x			x	x	x		
PO6		x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x
PO7	x		x				x		x			x	x		
PO8	x	x	x	x				x		x		x	x	x	x

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	<i>K T 1</i>	<i>K T 2</i>	<i>K T 3</i>	<i>K T 4</i>	<i>K T 5</i>	<i>K N 1</i>	<i>K N 2</i>	<i>K N 3</i>	<i>K N 4</i>	<i>K N 5</i>	<i>K N 6</i>	<i>TCT N1</i>	<i>TCT N2</i>	<i>TCT N3</i>	<i>TCT N4</i>
PLO1	x	x						x							
PLO2	x	x									x	x		x	
PLO3	x					x					x			x	
PLO4	x		x			x			x			x		x	
PLO5	x		x	x	x	x	x		x		x	x	x		x
PLO6	x				x		x	x		x		x	x		
PLO7			x			x	x	x		x	x	x		x	
PLO8						x			x	x		x		x	
PLO9					x		x								
PLO10		x		x		x		x	x			x		x	
PLO11								x		x	x	x			
PLO12		x					x							x	x
PLO13				x			x			x		x	x	x	x
PLO14					x		x		x	x			x	x	x
PLO15				x	x									x	x

21

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Đối với trường hợp học theo chương trình đào tạo trình độ trung cấp tại các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý và đào tạo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý: chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hệ chính quy, gồm 89 tín chỉ (không tính các học phần GDTC và GDQP) đối với trình độ liên thông từ trung cấp lên đại học.

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	KHỐI KIẾN THỨC	LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP THEO CT CỦA BỘ GD- ĐT		LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP THEO CT CỦA BỘ LĐTB - XH	
		TC	Tỷ lệ %	TC	Tỷ lệ %
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	17	19	17	19
1	Kiến thức cơ bản về chính trị	11		11	
2	Kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội	Miễn		Miễn	
3	Kiến thức cơ bản về Pháp luật	Miễn		Miễn	
4	Kiến thức về công nghệ thông tin	Miễn		Miễn	
5	Các học phần Khoa học tự nhiên	3		3	
6	Các học phần Ngoại ngữ	3		3	
7	Các học phần Thể chất	1		2	
8	Các học phần Quốc phòng – An ninh	4		9	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	72	81	72	81
1	Kiến thức cơ sở của ngành	21	29	21	29
2	Kiến thức chuyên ngành	51	51	51	51
Tổng cộng		89	100	89	100

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
				Kiến thức								Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
I	Kiến thức giáo dục đại cương	17	19%																
1	Kiến thức cơ bản về chính trị	11																	
2	Các học phần Khoa học tự nhiên	3		x	x		x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
3	Các học phần Ngoại ngữ	3		x	x		x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
4	Các học phần Thể chất	1		x	x		x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
5	Các học phần Quốc phòng – An ninh	4		x	x		x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghệ	72	81%																
1	Kiến thức cơ sở ngành	18	25%		x	x	x			x					x		x	x	x
2	Kiến thức chuyên ngành	54	75%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng cộng		89	100%																

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

Danh sách các học phần đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học cho các học viên học Trung cấp các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tổng
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương			17				
1.1 Kiến thức cơ bản về chính trị			11				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37		8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21		9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24		6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22		8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21		9	30
1.2 Kiến thức về Khoa học tự nhiên			3				
6	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	45
1.3 Kiến thức về Ngoại ngữ			3				
7	F25013	Tiếng Anh 3	3	21		24	45
1.4 Kiến thức về thể chất			1				
8	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1		30		30
1.5 Kiến thức về Quốc phòng - An ninh			4				
9	Z25003	Quân sự chung	2	14	16		30
10	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2		60		60
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			71				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			21				
* Kiến thức bắt buộc			18				
11	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
12	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
13	B26008	Quản trị học	3	30		15	45
14	B26014	Thuế	3	30		15	45
15	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
16	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn			3				
17	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
18	B26015	Nghị vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
19	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
20	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
21	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45

2.2 Kiến thức chuyên ngành			51				
* Kiến thức bắt buộc			39				
22	B27001	Kế toán tài chính 1	3	30		15	45
23	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30		15	45
24	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30		15	45
25	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30		15	45
26	B27005	Kế toán chi phí	3	30		15	45
27	B27006	Kế toán quản trị	3	30		15	45
28	B27015	Kiểm toán căn bản	3	30		15	45
29	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	30		15	45
30	B27021	Luật kế toán	2	15		15	30
31	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30	30		60
32	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60		90
33	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	15	60		75
34	B27150	Thực tập ngành nghề	4		180		180
* Kiến thức tự chọn			2				
35	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15		15	30
36	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15		15	30
* Kiến thức tốt nghiệp			10				
37	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10		450		450
Hoặc các học phần thay thế							
38	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60
39	B28004	Kế toán quốc tế	2	25		5	30
40	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30		15	45
41	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30

Danh sách các học phần đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học cho các học viên học Trung cấp các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương			17				
1.1 Kiến thức cơ bản về chính trị			11				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37		8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21		9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24		6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22		8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21		9	30

1.2 Kiến thức về Khoa học tự nhiên			3				
6	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	45
1.3 Kiến thức về Ngoại ngữ			3				
7	F25013	Tiếng Anh 3	3	21		24	45
1.4 Kiến thức về thể chất			2				
8	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1		30		30
9	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1		30		30
1.5 Kiến thức về Quốc phòng - An ninh			9				
10	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			45
11	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30			30
12	Z25003	Quân sự chung	2	14	16		30
13	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60		60
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			71				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			21				
* Kiến thức bắt buộc			18				
14	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
15	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
16	B26008	Quản trị học	3	30		15	45
17	B26014	Thuế	3	30		15	45
18	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
19	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
* Kiến thức tự chọn			3				
20	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
21	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
22	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
23	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
24	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45
2.2 Kiến thức chuyên ngành			51				
* Kiến thức bắt buộc			39				
25	B27001	Kế toán tài chính 1	3	30		15	45
26	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30		15	45
27	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30		15	45
28	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30		15	45
29	B27005	Kế toán chi phí	3	30		15	45
30	B27006	Kế toán quản trị	3	30		15	45
31	B27015	Kiểm toán căn bản	3	30		15	45
32	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	30		15	45
33	B27021	Luật kế toán	2	15		15	30
34	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30	30		60



35	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60		90
36	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	15	60		75
37	B27150	Thực tập ngành nghề	4		180		180
* Kiến thức tự chọn			2				
39	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15		15	30
38	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15		15	30
* Kiến thức tốt nghiệp			10				
40	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10		450		450
<i>Hoặc các học phần thay thế</i>							
41	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60
42	B28004	Kế toán quốc tế	2	25		5	30
43	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30		15	45
44	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30

V. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ một trong các điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Kế toán cụ thể:

- Tốt nghiệp Trung cấp Ngành Kế toán thuộc các trường do Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý.

- Tốt nghiệp Trung cấp ngành gần Ngành Kế toán tại các trường do Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý (Theo danh mục quy định của Trường). Sinh viên tốt nghiệp Trung cấp thuộc ngành gần Ngành Kế toán phải học bổ sung 10 tín chỉ trong học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, bao gồm:

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC
1	B26001	Kinh tế vi mô	3
2	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
3	B26004	Nguyên lý kế toán	3
4	A25045	Toán kinh tế	2
Tổng cộng			10

VI. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

6.1 Kế hoạch giảng dạy dự kiến đào tạo trình độ Trung cấp liên thông Đại học theo các trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý:

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiền quyết
1	Học phần bắt buộc		17	
17 TC (Không bao gồm GDTC)	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	
	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
	B27001	Kế toán tài chính 1	3	
	B27021	Luật kế toán	2	

	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	
	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	
2	Học phần bắt buộc		18	
18 TC	B27002	Kế toán tài chính 2	3	
	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	
	B27003	Kế toán tài chính 3	3	
	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	
	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	
	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
3	Học phần bắt buộc		17	
17 TC (Không bao gồm GDQP)	B27004	Kế toán tài chính 4	3	
	B27006	Kế toán quản trị	3	
	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	
	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	
	B27150	Thực tập ngành nghề	4	
	Z25003	Quân sự chung	2	
	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	
4	Học phần bắt buộc		12	
17TC	B26014	Thuế	3	
	B26008	Quản trị học	3	
	B27015	Kiểm toán căn bản	3	
	B27005	Kế toán chi phí	3	
	Học phần tự chọn		5	
	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	
	B26068	Thanh toán quốc tế	3	
	B26011	Thông kê doanh nghiệp	3	
	B26062	Kinh tế lượng	3	
	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	
	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	
5	Học phần bắt buộc		10	
10TC	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
	F25013	Tiếng Anh 3	3	
	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	Học phần bắt buộc		10	
10TC	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	
	Hoặc các học phần thay thế			
	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	
	B28004	Kế toán quốc tế	2	
	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	
	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	

VÒNG
HỌ
NGIAN


6.2 Kế hoạch giảng dạy dự kiến đào tạo trình độ Trung cấp liên thông Đại học theo các trường do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý:

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiền quyết
1	Học phần bắt buộc		17	
17 TC (Không bao gồm GDTC)	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	
	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
	B27001	Kế toán tài chính 1	3	
	B27021	Luật kế toán	2	
	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	
	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	
2	Học phần bắt buộc		18	
18 TC (Không bao gồm GDTC)	B27002	Kế toán tài chính 2	3	
	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	
	B27003	Kế toán tài chính 3	3	
	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	
	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	
	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	
3	Học phần bắt buộc		17	
17 TC (Không bao gồm GDQP)	B27004	Kế toán tài chính 4	3	
	B27006	Kế toán quản trị	3	
	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	
	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	
	B27150	Thực tập ngành nghề	4	
	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	
4	Học phần bắt buộc		12	
17 TC	B26014	Thuế	3	
	B26008	Quản trị học	3	
	B27015	Kiểm toán căn bản	3	
	B27005	Kế toán chi phí	3	
	Học phần tự chọn		5	
	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	
	B26068	Thanh toán quốc tế	3	
	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	
	B26062	Kinh tế lượng	3	
	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	
	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	
5	Học phần bắt buộc		10	

10 TC (Không bao gồm GDQP)	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
	F25013	Tiếng Anh 3	3	
	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Z25003	Quân sự chung	2	
	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	
6	Học phần bắt buộc		10	
10 TC	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	
	Hoặc các học phần thay thế			
	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	
	B28004	Kế toán quốc tế	2	
	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	
	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang. Chương trình đào tạo này được áp dụng kể từ năm học 2023-2024.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ./. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành